

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000001	Đặng Nguyễn Thùy An	06/08/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000002	Hoàng Tô Đức An	26/09/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000003	Lương Quỳnh An	06/11/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000004	Lưu Nguyễn Phúc An	12/11/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000005	Mai Hoàng Bảo An	22/03/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000006	Nguyễn Bá An	28/05/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000007	Nguyễn Dương An	10/03/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000008	Nguyễn Khánh An	03/08/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000009	Nguyễn Lê Thiên An	12/02/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000010	Nguyễn Lý Bảo An	30/04/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000011	Nguyễn Thanh An	11/09/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000012	Nguyễn Thành An	17/04/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000013	Nguyễn Trúc Quỳnh An	11/03/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000014	Tổng Thị Minh An	26/03/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000015	Biện Vũ Phương Anh	11/02/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000016	Bùi Hoàng Quốc Anh	05/09/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000017	Bùi Trâm Anh	15/01/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000018	Bùi Trâm Anh	15/05/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000019	Đào Nhật Anh	03/06/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000020	Đặng Lê Quỳnh Anh	07/11/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000021	Đặng Thị Kiều Anh	09/02/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000022	Điều Hoàng Anh	11/02/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000023	Đinh Hoàng Anh	09/08/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000024	Đinh Quỳnh Anh	03/10/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000025	Đình Vũ Quỳnh Anh	23/05/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000026	Hoàng Đình Đức Anh	14/02/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000027	Hồ Quỳnh Anh	03/04/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000028	Lại Ngọc Thế Anh	02/12/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000029	Lê Đỗ Trâm Anh	20/03/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000030	Lê Hoàng Anh	03/02/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000031	Lê Hồ Quỳnh Anh	09/04/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000032	Lê Phạm Minh Anh	30/05/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000033	Lê Văn Anh	25/09/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000034	Lê Vũ Nguyên Anh	24/06/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000035	Mai Lê Trúc Anh	26/02/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000036	Nguyễn Đăng Tú Anh	23/01/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000037	Nguyễn Hà Anh	25/01/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000038	Nguyễn Hoài Anh	12/12/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000039	Nguyễn Hoàng Anh	05/08/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000040	Nguyễn Hoàng Anh	19/12/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000041	Nguyễn Hoàng Phương Anh	23/08/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000042	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	22/08/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000043	Nguyễn Ngọc Minh Anh	01/02/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000044	Nguyễn Ngọc Phương Anh	03/11/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000045	Nguyễn Phương Anh	06/02/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000046	Nguyễn Phương Anh	18/07/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000047	Nguyễn Quỳnh Anh	22/01/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000048	Nguyễn Quỳnh Anh	05/04/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000049	Nguyễn Tuấn Anh	06/01/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000050	Nguyễn Tuấn Anh	20/01/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000051	Nguyễn Việt Anh	12/12/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000052	Nguyễn Xuân Hải Anh	17/11/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000053	Phạm Bùi Hà Anh	22/09/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000054	Phạm Hoàng Anh	27/11/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000055	Phạm Thị Lan Anh	25/12/2009	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000056	Phan Hoài Anh	27/01/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000057	Quách Trần Nhật Anh	20/06/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000058	Thái Trâm Anh	15/06/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000059	Trần Ngọc Anh	21/01/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000060	Trần Ngọc Minh Anh	17/02/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000061	Trần Nguyễn Tuấn Anh	24/08/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000062	Trần Phương Anh	16/03/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000063	Trần Phương Anh	14/05/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000064	Trần Quỳnh Anh	13/05/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000065	Trần Thị Quỳnh Anh	08/02/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000066	Trịnh Bảo Anh	11/10/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000067	Trịnh Nguyễn Đức Anh	05/05/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000068	Trương Quang Anh	01/12/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000069	Trương Quỳnh Anh	08/06/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000070	Nguyễn Minh Ánh	18/02/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000071	Nguyễn Hồng Ân	23/10/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000072	Nguyễn Trần Thiên Ân	07/11/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000073	Phạm Văn Hoàng Ân	07/12/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000074	Trần Thiên Ân	06/04/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000075	Võ Nguyễn Thiên Ân	30/06/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000076	Vũ Quang Ân	17/05/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000077	Hoàng Bách	24/03/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000078	Nguyễn Toàn Bách	16/01/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000079	Nguyễn Xuân Bách	07/09/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000080	Chu Tổng Gia Bảo	19/04/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000081	Đỗ Gia Bảo	09/05/2009	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000082	Hồ Gia Bảo	20/06/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000083	Lý Gia Bảo	29/11/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000084	Nguyễn Gia Bảo	21/04/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000085	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	09/08/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000086	Nguyễn Hữu Gia Bảo	09/07/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000087	Nguyễn Minh Bảo	06/02/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000088	Nguyễn Quốc Bảo	20/05/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000089	Nguyễn Quốc Bảo	03/03/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000090	Phạm Gia Bảo	17/07/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000091	Phạm Gia Bảo	20/05/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000092	Phạm Gia Bảo	17/02/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000093	Vũ Đức Bảo	19/04/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000094	Vũ Xuân Bảo	23/10/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000095	Nguyễn Quang Bắc	08/06/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000096	Chu Văn Thanh Bình	05/05/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000097	Nguyễn Đức Bình	13/08/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000098	Trần Lê Bình	29/01/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000099	Bùi Nhật Minh Châu	07/11/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000100	Chu Hoàng Bảo Châu	01/08/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000101	Hà Nguyễn Bảo Châu	03/10/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000102	Hồ Ngọc Minh Châu	29/05/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000103	Lê Nguyễn Bảo Châu	23/10/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000104	Nguyễn Bảo Tâm Châu	20/03/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000105	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	06/06/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000106	Nguyễn Thị Ngọc Châu	12/08/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000107	Trịnh Bảo Châu	02/12/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000108	Vũ Ngọc Minh Châu	31/07/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000109	Vũ Trần Minh Châu	23/09/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000110	Bùi Đào Yên Chi	28/08/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000111	Nguyễn Trần Hà Chi	09/07/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000112	Trần Thị Quỳnh Chi	21/02/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000113	Võ Trang Chi	11/02/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000114	Nguyễn Phạm Đình Chiến	07/08/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000115	Nguyễn Gia Cường	23/02/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000116	Nguyễn Ngọc Diễm	23/03/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000117	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp	11/06/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000118	Đinh Phương Dung	10/03/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000119	Nguyễn Thùy Dung	15/02/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000120	Đào Xuân Dũng	22/07/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000121	Lê Đức Dũng	08/10/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000122	Lê Minh Dũng	07/03/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000123	Nguyễn Đăng Dũng	06/09/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000124	Nguyễn Đăng Dũng	21/07/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000125	Nguyễn Hoàng Dũng	19/01/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000126	Nguyễn Văn Tiến Dũng	08/09/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000127	Phạm Tấn Dũng	06/03/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000128	Huỳnh Khánh Duy	09/10/2008	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000129	Lâm Tú Duy	22/01/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000130	Lê Đức Duy	31/01/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000131	Nguyễn Đăng Duy	09/11/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000132	Nguyễn Nhật Duy	15/02/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000133	Trần Bảo Duy	23/02/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000134	Nguyễn Hoàng Thùy Duyên	11/08/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000135	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	11/08/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000136	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	19/10/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000137	Nguyễn Thị Ánh Dương	22/03/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000138	Nguyễn Thùy Dương	15/11/2009	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000139	Trần Đức Dương	24/05/2009	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000140	Nguyễn Linh Đan	10/05/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000141	Nguyễn Dương Anh Đào	13/04/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000142	Đinh Tiến Đạt	04/11/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000143	Lê Hữu Minh Đạt	05/01/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000144	Nguyễn Minh Đạt	14/07/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000145	Nguyễn Tấn Đạt	03/11/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000146	Nguyễn Thành Đạt	03/01/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000147	Nguyễn Thành Đạt	22/03/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000148	Trần Đức Đạt	31/10/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000149	Trần Gia Đạt	02/07/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000150	Trần Thành Đạt	02/11/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000151	Trịnh Nguyễn Thành Đạt	31/08/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000152	Trương Đức Đạt	15/03/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000153	Võ Quang Đạt	22/02/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000154	Vũ Lam Đình	16/06/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000155	Trần Văn Đình	10/02/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000156	Đỗ Ngọc Minh Đức	29/09/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000157	Nguyễn Dương Đình Đức	25/09/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000158	Nguyễn Minh Đức	05/01/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000159	Nguyễn Trường Minh Đức	12/01/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000160	Hồ Ngọc Giang	01/02/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000161	Ngô Thị Châu Giang	20/12/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000162	Nguyễn Phạm Châu Giang	04/11/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000163	Trần Thị Trà Giang	21/07/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000164	Đỗ Vũ Quỳnh Giao	02/02/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000165	Nguyễn Diệp Quỳnh Giao	17/11/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000166	Huỳnh Đoàn Nguyên Giáp	11/10/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000167	Hồ Ngọc Hà	08/06/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000168	Lê Thanh Hà	01/04/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000169	Nguyễn Phạm Khánh Hà	16/03/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000170	Nguyễn Thu Hà	21/12/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000171	Phạm Quang Hà	03/08/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000172	Trần Khánh Hà	15/03/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000173	Trịnh Ngọc Ngân Hà	04/12/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000174	Dương Ngọc Hải	22/09/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000175	Nguyễn Đức Hải	23/07/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000176	Hồ Hữu Hạnh	06/02/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000177	Hồ Nguyễn Minh Hạnh	03/03/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000178	Lê Minh Hạnh	29/04/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000179	Nguyễn Anh Hào	04/12/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000180	Nguyễn Đức Hào	10/03/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000181	Bùi Ngọc Minh Hằng	31/10/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000182	Nguyễn Lưu Thanh Hằng	22/12/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000183	Bùi Nguyễn Gia Hân	16/08/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000184	Hoàng Ngọc Hân	25/07/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000185	Lê Ngọc Hân	07/10/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000186	Nguyễn Ngọc Hân	14/03/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000187	Nguyễn Phạm Gia Hân	10/05/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000188	Phạm Bảo Hân	01/10/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000189	Trần Gia Hân	01/05/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000190	Trần Gia Hân	03/05/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000191	Dương Thị Thu Hiền	14/06/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000192	Đinh Nguyễn Thúy Hiền	19/02/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000193	Nguyễn Minh Hiền	31/07/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000194	Đàm Hiếu	17/11/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000195	Đầu Khắc Lâm Hiếu	30/12/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000196	Nguyễn Lâm Hiếu	24/12/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000197	Nguyễn Trần Duy Hiếu	28/10/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000198	Nguyễn Văn Hiếu	05/01/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000199	Trần Huy Hiếu	28/01/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000200	Trịnh Trung Hiếu	13/06/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000201	Lê Hữu Minh Hoàng	14/05/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000202	Ngô Văn Hoàng	16/08/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000203	Ngô Việt Hoàng	19/06/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000204	Nguyễn Bảo Hoàng	17/05/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000205	Nguyễn Gia Hoàng	24/10/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000206	Nguyễn Huỳnh Nhật Hoàng	22/12/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000207	Nguyễn Việt Hoàng	07/01/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000208	Phạm Văn Hoàng	12/01/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000209	Nguyễn Lam Hồng	17/11/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000210	Bùi Huy Hùng	24/12/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000211	Đào Mạnh Hùng	26/08/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000212	Lại Vương Quốc Hùng	26/02/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000213	Phan Đình Hùng	13/01/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000214	Nguyễn Đức Minh Huy	20/08/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000215	Nguyễn Gia Huy	11/08/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000216	Nguyễn Xuân Huy	09/07/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000217	Phùng Phạm Gia Huy	13/01/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000218	Thịnh Minh Huy	13/08/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000219	Trần Công Huy	12/12/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000220	Vũ Gia Huy	08/09/2009	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000221	Đình Thanh Huyền	15/05/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000222	Huỳnh Thảo Huyền	28/03/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000223	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/04/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000224	Trần Đặng Khánh Huyền	02/07/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000225	Trần Thanh Huyền	23/04/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000226	Trần Thị Khánh Huyền	11/12/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000227	Đỗ Minh Hương	19/05/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000228	Lê Thị Thu Hương	26/09/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000229	Nguyễn Phạm Quỳnh Hương	16/09/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000230	Nguyễn Phạm Thu Hương	21/10/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000231	Nguyễn Quỳnh Hương	05/04/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000232	Phạm Lan Hương	06/07/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000233	Trần Thiên Hữu	01/10/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000234	Nguyễn Khang Hy	24/12/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000235	Bùi Ngọc Nguyên Kha	16/09/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000236	Nguyễn Ngọc Phương Kha	02/06/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000237	Phùng Tuấn Khải	14/04/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000238	Hoàng Phúc Khang	05/06/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000239	Huỳnh Đoàn Đình Khang	21/04/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000240	Huỳnh Minh Khang	27/04/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000241	Lý Duy Khang	12/10/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000242	Nguyễn Minh Khang	25/08/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000243	Phùng Bá Khang	27/10/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000244	Trần Phúc Khang	17/02/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000245	Nguyễn Tuấn Khanh	02/02/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000246	Nguyễn Tuấn Khanh	25/02/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000247	Nguyễn Vương Vi Khanh	24/01/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000248	Lê Nam Khánh	24/04/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000249	Lê Nhật Khánh	08/02/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000250	Lê Quốc Khánh	02/09/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000251	Nguyễn Dương Khánh	12/11/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000252	Phạm Duy Khánh	16/04/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000253	Dương Nguyễn Khiêm	06/03/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000254	Đỗ Anh Khoa	24/06/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000255	Hoàng Anh Khoa	10/06/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000256	Lê Đăng Khoa	28/09/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000257	Nguyễn Duy Khoa	18/04/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000258	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	12/04/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000259	Phạm Trần Đăng Khoa	24/05/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000260	Võ Anh Khoa	10/02/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000261	Vũ Đức Khoa	25/12/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000262	Bùi Thế Đăng Khôi	30/09/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000263	Lê Anh Khôi	11/01/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000264	Ngô Xuân Khôi	05/05/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000265	Trần Minh	Khôi	31/08/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000266	Vũ Đăng	Khôi	10/03/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000267	Hà Lê Tuấn	Kiệt	24/08/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000268	Nguyễn Đức Anh	Kiệt	25/05/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000269	Nguyễn Tuấn	Kiệt	26/10/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000270	Nguyễn Tuấn	Kiệt	04/09/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000271	Trần Trí Anh	Kiệt	29/03/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000272	Phạm Ngọc Thiên	Kim	16/01/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000273	Trương Quỳnh Phương	Kim	22/08/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000274	Hoàng Mạc Nhã	Kỳ	19/01/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000275	Nguyễn Phương	Lam	29/03/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000276	Lê Thùy	Lan	25/04/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000277	Nguyễn Hoàng Mai	Lan	15/01/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000278	Phạm Ngọc	Lan	28/11/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000279	Trương Ngọc	Lan	13/03/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000280	Lê Thùy	Lâm	25/04/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000281	Nguyễn Ái	Lâm	01/11/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000282	Nguyễn Hải	Lâm	29/01/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000283	Nguyễn Quốc	Lâm	17/03/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000284	Phạm Vũ Phước	Lâm	19/10/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000285	Phan Hoàng	Lâm	12/09/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000286	Trương Bảo	Lâm	03/05/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000287	Đào Nguyễn Ngân	Linh	06/03/2009	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000288	Đinh Hà Gia	Linh	23/06/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000289	Đoàn Phương Linh	17/12/2009	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000290	Đỗ Doãn Khánh Linh	03/01/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000291	Lê Vũ Khánh Linh	23/05/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000292	Ngô Thị Khánh Linh	18/12/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000293	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	19/03/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000294	Nguyễn Khánh Linh	18/07/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000295	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	08/10/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000296	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	19/08/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000297	Nguyễn Phương Linh	16/11/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000298	Phạm Gia Linh	21/11/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000299	Phạm Trần Phương Linh	11/04/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000300	Phạm Vũ Hải Linh	20/11/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000301	Phạm Yến Linh	18/01/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000302	Trần Lê Khánh Linh	02/04/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000303	Trần Ngọc Linh	12/07/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000304	Trần Thị Ngọc Linh	16/05/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000305	Từ Thị Hà Linh	15/06/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000306	Vũ Ngọc Phương Linh	05/04/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000307	Vũ Nhật Linh	07/05/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000308	Vũ Thùy Linh	13/05/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000309	Đỗ Thiên Linh	24/04/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000310	Bùi Phi Long	12/10/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000311	Ngô Hoàng Long	22/02/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000312	Nguyễn Duy Long	02/02/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000313	Nguyễn Hồ Hoàng Long	27/02/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000314	Phạm Tiến Long	22/11/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000315	Nguyễn Tài Lộc	17/11/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000316	Vũ Nguyễn Tuấn Lộc	15/10/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000317	Đông Thị Ngọc Ly	06/11/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000318	Vũ Ngọc Ly	08/04/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000319	Lê Đỗ Ngọc Mai	14/08/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000320	Lương Hà Ngọc Mai	14/05/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000321	Trần Thị Hoàng Mai	31/03/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000322	Dương Quốc Minh	16/08/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000323	Đào Ngọc Minh Minh	29/08/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000324	Đặng Ngọc Thu Minh	12/09/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000325	Đặng Tuệ Minh	04/02/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000326	Đỗ Lê Quang Minh	09/02/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000327	Đỗ Quang Minh	30/09/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000328	Lê Đức Minh	19/05/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000329	Lê Quảng Hiền Minh	15/02/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000330	Nguyễn Nhật Minh	05/04/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000331	Nguyễn Quang Minh	07/10/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000332	Nguyễn Vũ Tiến Minh	28/04/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000333	Trần Hồng Minh	03/04/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000334	Vũ Trần Anh Minh	10/02/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000335	Lê Thảo My	15/09/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000336	Nguyễn Hoàng My	07/03/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000337	Nguyễn Lê Hà My	19/07/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000338	Nguyễn Ngọc Thảo My	25/04/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000339	Nguyễn Trà My	15/07/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000340	Nguyễn Trần Thảo My	22/04/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000341	Phạm Lê Thảo My	10/01/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000342	Phạm Ngọc Khánh My	28/01/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000343	Phạm Thảo My	13/04/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000344	Trần Nguyễn Nhật My	01/01/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000345	Võ Trần Nhật Mỹ	01/01/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000346	Phan Duy An Na	01/02/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000347	Đặng Hồng Nam	15/10/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000348	Đông Bảo Nam	20/02/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000349	Nguyễn Bảo Nam	01/01/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000350	Nguyễn Hoàng Nam	29/12/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000351	Nguyễn Lê Bảo Nam	03/10/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000352	Nguyễn Thành Nam	14/06/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000353	Trần Bảo Nam	26/01/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000354	Cao Phạm Thu Nga	22/06/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000355	Chu Thị Kim Ngân	19/07/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000356	Hoàng Võ Mỹ Ngân	19/03/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000357	Huỳnh Ngọc Hà Ngân	02/07/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000358	Lê Thanh Ngân	31/10/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000359	Lưu Diệp Hải Ngân	24/09/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000360	Mai Nguyễn Kim Ngân	03/03/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000361	Nguyễn Ngọc Khánh Ngân	15/09/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000362	Nguyễn Thị Kim Ngân	09/01/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000363	Nguyễn Thùy Ngọc Ngân	11/01/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000364	Vũ Khánh Ngân	17/01/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000365	Bùi Uyên Nghi	07/06/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000366	Lê Xuân Nghi	02/09/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000367	Lương Mẫn Nghi	05/11/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000368	Nguyễn Hà Gia Nghi	28/04/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000369	Nguyễn Trần Gia Nghi	20/02/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000370	Nguyễn Phú Khương Nghị	01/11/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000371	Tôn Trường Nghĩa	30/08/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000372	Lê Châu Thảo Ngọc	06/07/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000373	Lê Hoàng Minh Ngọc	13/03/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000374	Lê Khánh Ngọc	18/08/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000375	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	30/03/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000376	Nguyễn Thị Bích Ngọc	23/08/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000377	Nguyễn Vũ Bảo Ngọc	22/07/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000378	Nguyễn Vũ Khánh Ngọc	20/06/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000379	Phạm Đoàn Khánh Ngọc	09/04/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000380	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	12/12/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000381	Phạm Khánh Ngọc	28/10/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000382	Phạm Lê Khánh Ngọc	25/04/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000383	Phạm Thị Bảo Ngọc	07/10/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000384	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	28/01/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000385	Phan Thanh Bảo Ngọc	06/02/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000386	Hoàng Tú Nguyên	26/06/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000387	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	25/04/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000388	Nguyễn Tất Khôi Nguyên	16/02/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000389	Nguyễn Vũ Đan Nguyên	27/03/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000390	Trần Khôi Nguyên	07/07/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000391	Đào Trần Minh Nguyệt	24/02/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000392	Tổng Hoàng Như Nguyệt	12/12/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000393	Vũ Minh Nguyệt	10/09/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000394	Trần Thị Thanh Nhân	17/11/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000395	Nguyễn Trọng Nhân	22/06/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000396	Bùi Minh Nhật	13/07/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000397	Hoàng Minh Nhật	24/04/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000398	Lê Minh Nhật	10/10/2009	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000399	Nguyễn Duy Minh Nhật	06/03/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000400	Nguyễn Lâm Minh Nhật	26/02/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000401	Nguyễn Minh Nhật	12/07/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000402	Đặng Ngọc Tuệ Nhi	03/02/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000403	Đặng Ngọc Uyên Nhi	12/02/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000404	Hà Yên Nhi	04/03/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000405	Hồ Hoàng Phương Nhi	21/01/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000406	Huỳnh Thị Ý Nhi	13/08/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000407	Lê Thảo Nhi	05/02/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000408	Lê Yên Nhi	15/03/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000409	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	16/03/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000410	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	16/05/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000411	Trần Gia Yến Nhi	26/06/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000412	Trần Hoàng Yến Nhi	09/01/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000413	Trần Lê Đông Nhi	13/02/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000414	Trần Thảo Nhi	18/01/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000415	Võ Hoài Thảo Nhi	15/09/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000416	Võ Xuân Nhi	27/11/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000417	Vũ Đỗ Phương Nhi	29/10/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000418	Ngô Thị Hồng Nhung	28/01/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000419	Nguyễn Hồng Nhung	14/06/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000420	Bùi Huỳnh Ngọc Như	17/12/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000421	Đinh Nguyễn Quỳnh Như	30/03/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000422	Đinh Tâm Như	25/06/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000423	Hà Ngọc Khánh Như	26/06/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000424	Hồ Trần Quỳnh Như	09/01/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000425	Lê Võ Tâm Như	20/03/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000426	Nguyễn Gia Như	27/06/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000427	Nguyễn Mai Quỳnh Như	30/08/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000428	Nguyễn Quỳnh Như	20/05/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000429	Nguyễn Quỳnh Như	02/01/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000430	Nguyễn Thị Quỳnh Như	23/08/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000431	Phạm Quỳnh Như	13/04/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000432	Phan Thị Quỳnh Như	05/09/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000433	Trần Quỳnh Như	22/08/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000434	Vũ Quỳnh Như	30/05/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000435	Nguyễn Phát	27/12/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000436	Nguyễn Hữu Phát	04/01/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000437	Trần Tiến Phát	05/01/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000438	Đỗ Thanh Phong	18/09/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000439	Vũ Thế Phong	28/04/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000440	Lê Duy Tấn Phú	09/05/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000441	Sử Gia Phú	15/02/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000442	Lê Gia Phúc	26/11/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000443	Nguyễn Duy Phúc	15/01/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000444	Nguyễn Hoàng Phúc	02/07/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000445	Nguyễn Khắc Minh Phúc	04/09/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000446	Nguyễn Quang Phúc	24/05/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000447	Trần Hoàng Phúc	16/01/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000448	Trần Thiên Phúc	15/07/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000449	Hà Lan Phương	21/07/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000450	Lê Minh Phương	05/02/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000451	Lê Thị Ngọc Phương	25/06/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000452	Nguyễn Hoàng Nam Phương	10/07/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000453	Nguyễn Mai Phương	12/08/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000454	Nguyễn Thùy Phương	06/03/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000455	Nguyễn Vũ Minh Phương	01/01/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000456	Phạm Mai Phương	09/02/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000457	Phạm Minh Phương	15/07/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000458	Quản Tôn Hà Phương	13/01/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000459	Trần Thanh Phương	24/12/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000460	Võ Ngọc Mai Phương	21/11/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000461	Vũ Ngọc Minh Phương	05/09/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000462	Vũ Trúc Phương	25/04/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000463	Chu Tuấn Quang	07/09/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000464	Huỳnh Thế Quang	05/05/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000465	Nguyễn Minh Quang	01/08/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000466	Đỗ Nguyễn Minh Quân	27/07/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000467	Ngô Đăng Quân	24/03/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000468	Nguyễn Trung Quân	24/01/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000469	Phạm Văn Minh Quân	26/05/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000470	Tôn Thất Minh Quân	20/01/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000471	Lê Anh Quốc	23/01/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000472	Nguyễn Thúy Phương Quyên	18/01/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000473	Đinh Thị Diễm Quỳnh	20/09/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000474	Lê Nguyễn Khánh Quỳnh	28/04/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000475	Phan Trịnh Như Quỳnh	07/02/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000476	Tống Như Quỳnh	19/06/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000477	Nguyễn Thị Sáng	20/01/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000478	Đỗ Lâm Sơn	17/12/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000479	Hoàng Hà Sơn	12/09/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000480	Nguyễn Hải Sơn	10/07/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000481	Nguyễn Trường Sơn	25/12/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000482	Trần Tấn Tài	04/01/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000483	Vũ Đức Tài	08/09/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000484	Nguyễn Hữu Tâm	28/02/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000485	Nguyễn Minh Tâm	04/04/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000486	Võ Minh Tâm	07/02/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000487	Dương Quốc Thái	14/06/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000488	Hoàng Anh Thái	08/05/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000489	Lô Nam Thái	05/04/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000490	Võ An Phước Thái	20/11/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000491	Lê Nguyễn Trúc Thanh	29/10/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000492	Lưu Ngọc Đan Thanh	26/07/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000493	Phan Trần Kỳ Thanh	10/01/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000494	Nguyễn Phúc Thành	24/07/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000495	Đỗ Phương Thảo	05/11/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000496	Lê Thị Bích Thảo	16/06/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000497	Lê Thị Phương Thảo	15/09/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000498	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	31/03/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000499	Nguyễn Phương Thảo	16/02/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000500	Nguyễn Phương Thảo	20/01/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000501	Trần Mai Phương Thảo	19/01/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000502	Trần Võ Như Thảo	20/01/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000503	Bùi Việt Thắng	21/12/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000504	Mai Quốc Thắng	17/07/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000505	Nguyễn Việt	Thắng	04/04/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000506	Trần Minh	Thắng	12/04/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000507	Nguyễn Quốc	Thịnh	10/08/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000508	Võ Đức	Thịnh	30/01/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000509	Bùi Duy	Thọ	04/05/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000510	Tổng Hữu	Thọ	04/01/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000511	Lê Anh	Thơ	22/07/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000512	Phạm Phương	Thúy	25/09/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000513	Vũ Thanh	Thúy	31/08/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000514	Bùi Hà Anh	Thư	16/06/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000515	Bùi Hoàng Anh	Thư	06/03/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000516	Chung Khả	Thư	10/10/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000517	Đoàn Nguyễn Minh	Thư	13/10/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000518	Đoàn Thị Anh	Thư	14/02/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000519	Đỗ Thị Ân	Thư	21/11/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000520	Đỗ Vũ Khánh	Thư	29/09/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000521	Hồ Lương Anh	Thư	10/10/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000522	Huỳnh Anh	Thư	15/12/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000523	Lê Minh	Thư	29/06/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000524	Lê Ngọc Minh	Thư	08/07/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000525	Ngô Minh	Thư	11/05/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000526	Nguyễn Anh	Thư	23/05/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000527	Nguyễn Đặng Quỳnh	Thư	20/05/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000528	Nguyễn Lê Anh	Thư	16/11/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000529	Nguyễn Minh Thu	02/11/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000530	Nguyễn Ngọc Anh Thu	11/07/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000531	Nguyễn Ngọc Anh Thu	15/02/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000532	Nguyễn Phạm Minh Thu	25/03/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000533	Nguyễn Trần Quỳnh Thu	10/03/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000534	Nhĩn Bùi Anh Thu	07/03/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000535	Phạm Uyên Thu	07/09/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000536	Trần Minh Thu	31/01/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000537	Trần Thị Anh Thu	11/01/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000538	Trịnh Minh Thu	02/07/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000539	Vũ Ngọc Minh Thu	08/02/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000540	Phan Duy Thúc	29/03/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000541	Mai Nguyễn Ngân Thương	01/11/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000542	Tổng Hoài Thương	22/11/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000543	Lê Bùi Minh Thy	06/12/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000544	Trần Bảo Thy	23/10/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000545	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	23/09/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000546	Phạm Thị Lê Tiên	23/05/2009	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000547	Trần Ninh Thủy Tiên	22/09/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000548	Trần Thủy Tiên	21/09/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000549	Đặng Lê Công Tiên	15/11/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000550	Mai Xuân Tiên	30/09/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000551	Ngô Đức Tiên	14/03/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000552	Nguyễn Dương Cao Tiên	03/11/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000553	Nguyễn Hữu Hoàng Tiến	21/06/2009	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000554	Nguyễn Minh Tiến	10/09/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000555	Nguyễn Minh Tiến	12/01/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000556	Trương Quốc Tiến	03/02/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000557	Phạm Thế Toàn	11/06/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000558	Trần Lê Khánh Toàn	13/07/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000559	Vũ Minh Trà	12/01/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000560	Ngô Phương Trang	14/01/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000561	Nguyễn Đình Bảo Trang	20/08/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000562	Nguyễn Ngọc Trang	24/04/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000563	Nguyễn Thanh Thùy Trang	17/11/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000564	Nguyễn Thị Phương Trang	26/01/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000565	Phạm Bùi Nhã Trang	09/06/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000566	Trần Ngọc Tú Trang	16/03/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000567	Bùi Phạm Mỹ Trâm	11/02/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000568	Nguyễn Ngọc Trâm	25/02/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000569	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	30/07/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000570	Nguyễn Thị Thùy Trâm	21/07/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000571	Phan Bảo Trâm	05/02/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000572	Phan Đặng Bảo Trâm	15/01/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000573	Bùi Đặng Huyền Trâm	24/09/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000574	Đặng Bảo Trâm	21/10/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000575	Đình Hoàng Bảo Trâm	06/06/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000576	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	04/10/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000577	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	24/09/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000578	Nguyễn Thị Bảo Trân	12/05/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000579	Phạm Ngọc Bảo Trân	27/01/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000580	Trần Tú	09/09/2010	10A11	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000581	Hồ Nguyễn Quang Trí	10/07/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000582	Nguyễn Minh Trí	03/03/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000583	Lê Minh Triết	08/06/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000584	Vũ Đình Minh Triết	12/05/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000585	Đặng Tố Trinh	24/03/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000586	Nguyễn Trần Ngọc Trinh	11/08/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000587	Nguyễn Hà Thanh Trúc	22/04/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000588	Nguyễn Lê Thuý Trúc	28/07/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000589	Phan Thanh Trúc	10/07/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000590	Võ Thanh Trúc	30/09/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000591	Vũ Nguyễn Thanh Trúc	30/09/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000592	Lê Thành Trung	02/02/2009	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000593	Ngô Lê Trung	11/05/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000594	Nguyễn Sỹ Quốc Trung	30/09/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000595	Nguyễn Thành Trung	23/01/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000596	Mai Văn Tú	05/08/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000597	Nguyễn Trần Thanh Tú	14/02/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000598	Phạm Anh Tú	25/06/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000599	Lê Huy Tuấn	15/09/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000600	Nguyễn Anh Tuấn	27/05/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000601	Trương Văn Tuấn	24/05/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000602	Cao Mạnh Tùng	06/05/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000603	Nguyễn Đức Tùng	25/12/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000604	Nguyễn Thanh Tùng	17/03/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000605	Trần Đăng Tùng	02/04/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000606	Trương Thị Ánh Tuyết	05/07/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000607	Trần Ngọc Cát Tường	08/04/2010	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000608	Ngô Thục Uyên	06/12/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000609	Nguyễn Huỳnh Mỹ Uyên	27/05/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000610	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	13/04/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000611	Nguyễn Thái Uyên	15/05/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000612	Phạm Lê Uyên	27/06/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000613	Lê Triết Kiến Văn	23/09/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000614	Đặng Thị Thúy Vân	26/01/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000615	Đặng Thị Trúc Vân	26/01/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000616	Lưu Thanh Vân	01/05/2010	10A15	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000617	Trần Thanh Vân	01/11/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000618	Phan Ngô Tường Vi	13/02/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000619	Trần Đặng Thảo Vi	17/09/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000620	Hoàng Gia Vĩ	01/01/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000621	Bùi Anh Vũ	15/01/2010	10A03	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000622	Đào Đại Vũ	08/04/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000623	Đỗ Phạm An Vũ	06/10/2010	10A04	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000624	Phan Khắc Hoàng Vũ	26/03/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.

Khóa ngày: 28/4/2026

STT	SBD	Họ và tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Môn thi	Ghi chú
1	48000625	Tôn Lê Hoàng Vũ	26/11/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
2	48000626	Đàm Minh Vy	22/10/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
3	48000627	Đặng Quỳnh Đông Vy	03/10/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
4	48000628	Hồ Nhã Vy	08/12/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
5	48000629	Hồ Thị Tường Vy	18/08/2010	10A07	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
6	48000630	Lê Phương Vy	14/10/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
7	48000631	Ngô Hoàng Bảo Vy	19/06/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
8	48000632	Nguyễn Hoàng Lê Vy	13/01/2010	10A06	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
9	48000633	Nguyễn Hồ Vy	19/05/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
10	48000634	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10/10/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
11	48000635	Nguyễn Thảo Vy	07/11/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
12	48000636	Nguyễn Thị Ánh Vy	10/06/2010	10A08	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
13	48000637	Nguyễn Thị Hải Vy	20/06/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
14	48000638	Vũ Khánh Vy	08/03/2010	10A02	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
15	48000639	Y Nguyễn Kiều Vy	24/07/2010	10A05	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
16	48000640	Nguyễn Thị Diệp Y	09/07/2009	10A14	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
17	48000641	Hồ Ngọc Như Ý	02/02/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
18	48000642	Đào Nguyễn Hải Yến	14/01/2010	10A12	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
19	48000643	Lê Thị Hải Yến	16/10/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
20	48000644	Nguyễn Hoàng Yến	25/11/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
21	48000645	Nguyễn Lê Hải Yến	05/05/2010	10A13	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
22	48000646	Trần Bảo Yến	29/05/2010	10A09	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
23	48000647	Trần Kim Yến	15/04/2010	10A01	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	
24	48000648	Trần Thị Hải Yến	27/11/2010	10A10	Văn, Toán, T.Anh, Lí, Hóa, Sử	

Danh sách này có 24 học sinh.